

TẢN MẠN VỀ THÚ CHƠI CÂU ĐỐI TẾT CỦA NGƯỜI VIỆT

Huỳnh Đông

Câu đối Tết là một tác phẩm văn học, một chỉnh thể về nội dung và hình thức biểu đạt tư tưởng trong ngôn ngữ của người Việt. Câu đối Tết cũng là một thú chơi phong vị, một hiện tượng văn hóa dân gian cần nghiên cứu và bảo tồn để làm giàu thêm tài sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

Chơi câu đối tết là một hiện tượng văn hoá - văn hoá chơi chữ. “Nhất chữ, nhì tranh, tam sành, tứ sứ” là bốn thú chơi phong vị, thời thượng của người Việt xưa, trong đó chơi chữ - chơi câu đối được dân gian xếp lên hàng đầu.

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp (楹帖) hay Doanh liên (楹聯), Đối liên (對聯), người Việt Nam gọi chung là Câu đối. Đó là hai câu chữ biên ngẫu (cặp ngẫu song song), đối xứng nhau về thanh, về từ và về ý với tự dạng chữ Hán thuộc các thể chân, triện, lệ, khải, hành, thảo. Câu đối được viết trên giấy, trên lụa, đục khắc trên gỗ, trên tre, có khi chỉ dành để đọc cho nhau nghe vào các dịp lễ lạc, tứ sự như quan, hôn, tang, tế, đầy tháng, thôi nôi, chúc thọ, tân gia..., hay những lúc nông nhàn, việc rồi bên ấm trà, be rượu...

Câu đối tết là một tác phẩm văn học, một chỉnh thể về nội dung và hình thức biểu đạt, được treo, dán một cách trang trọng trước cổng, trong nhà vào những ngày tết. Thường thì câu đối tết được viết trên giấy hồng đơn (giấy màu đỏ tươi) để dán trước cổng nhà, cửa chính ra vào, trên cột hay hai bên khoảnh trước bàn thờ tổ tiên. Ngày xưa, những nhà giàu có như phú hộ, quan viên khi đón tết thì trong nhà treo câu đối bằng gỗ quý, chạm cẩn cầu kỳ; ngoài cổng thì treo đèn, kết hoa. Từ đó, trong ngôn ngữ Việt có thành ngữ “Môn đăng, hộ đối” để chỉ những nhà giàu có, quyền quý thường hay chọn nhau để kết thông gia.

*“Chàng như cây gỗ xoan đào/
Thiếp như câu đối dán vào đẹp chẳng?”*

Câu đối tết, cũng là cái dịp để cho kẻ sĩ thể hiện niềm mơ ước và hoài bão của mình, cũng là nơi để họ gởi cái chí, cái tình, nỗi niềm với cuộc đời:

青春有限志無限
▪ 月無情人有情

(Phiên âm: Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn; Tuổi nguyệt vô tình nhân hữu tình. Dịch nghĩa: Tuổi xuân có hạn chí vô hạn; Năm tháng vô tình người có tình).

Hay đó là những lời hay ý đẹp ca ngợi quê hương trong mùa xuân đầy vẻ tự hào:

春到山 ▪ 遍地喜
福臨農 ▪ 滿庭春

(Phiên âm: Xuân đảo sơn hương biên địa hỷ; Phúc lâm nông hộ mãn đình hương. Dịch nghĩa: Xuân đến bản làng nơi nơi tốt; Phúc vào nông hộ chón chón xuân).

Hoặc đó là lời chúc tụng nhau hạnh phúc, sống lâu:

春入春天春不老
福臨福地福無疆

(Phiên âm: Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão; Phúc lâm phúc địa phúc vô cương. Dịch nghĩa: Xuân nhập trời xuân xuân bất lão; Phúc vào đất phúc phúc vô biên)

Kể từ khi những câu đối tết bằng chữ Nôm sâu sắc, hóm hỉnh của cụ Tam Nguyên Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) ra đời, câu đối tết đã không còn là thức chơi độc quyền của những nhà giàu có, quan viên lắm chữ... Câu đối tết đã thâm nhập vào đời sống và sinh hoạt văn hoá của quần đại quần chúng nhân dân. "Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ; Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh" là những đặc sản không thể thiếu được trong nhà của người Việt xưa vào những dịp tết.

Vào đầu thế kỷ XIX - XX, thú chơi câu đối tết ngày càng được thăng hoa và phong phú hơn nhờ có sự tham gia của giới trí thức và các nhà khoa bảng. Ngày nay, người chơi chữ cũng có nhiều lựa chọn trong việc thể hiện câu đối tết bằng loại ngôn ngữ nào; chữ

ký âm hay chữ tượng hình (Hán, Nôm hay Latin); bằng chất liệu gì: gỗ, tre hay giấy, đá... Trong số đó, cũng có thể nói rằng những câu đối tết viết bằng chữ Nôm cũng rất được ưa chuộng: "Tối ba mươi, nghe pháo nổ đi ùng, ở ở tết; Sáng mùng một, chạm nêu đánh cộc à à xuân" (Nguyễn Khuyến). "Lộng lẫy bức tranh Xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía; Tung bừng khung cảnh Tết, non sông trăm sắc vạn màu" (ST). Các nhà Hán học thuần tuý cũng không còn xem chữ Nôm là loại chữ bất chước chữ Tàu "Nôm na mách qué!" "Xỏ lá ba que!" nữa. Chữ Nôm vận dụng sáng tạo ký tự của chữ Hán (214 bộ thủ) nhưng âm của chữ Nôm là âm của tiếng Việt hiện đại nên có nhiều sức mạnh hơn trong lối diễn đạt tư duy của dân tộc. Trong tinh thần độc lập, tự chủ và khai phóng, dân tộc Việt Nam đã kịp chọn thêm cho mình một hệ thống ký tự mới - chữ Quốc Ngữ (ký tự Latin). Có thể nói người Việt đã chọn chữ Quốc Ngữ chứ không phải chữ Quốc Ngữ chọn người Việt. Điều này cho thấy khả năng giao lưu và tiếp biến văn hóa của người Việt là vô cùng phong phú, mạnh mẽ. Câu đối viết bằng chữ Quốc Ngữ có dạng tự Latin cách điệu cũng rất đẹp, âm thanh cũng rất hay nhưng về trường nghĩa lại không rộng, không sâu bằng chữ Hán, do cách giải nghĩa từ của tiếng Việt thường theo phương pháp chiết tự từ những bộ thủ của chữ Hán. Người Việt đã trang bị cho mình một bộ công cụ để hiện thực tiếng Việt với ba hệ thống ký tự Hán, Nôm và Quốc Ngữ, nên biện pháp tu từ và phong cách ngôn ngữ càng ngày càng vi diệu. Người Việt có thể trộn cả Hán, Nôm, tiếng Tây vào trong lối chơi chữ làm

cho âm và nghĩa của câu nói thêm sinh động (các ngôn ngữ khác không làm được điều này): “Tám giờ xe lửa huyết; Hai căng nồm ngay đơ” (huyết là tám; đơ là hai - Pháp). Biện pháp diễn đạt cũng có nhiều miếng mảnh, tự nhiên, không gò bó: “Có là bao! Ba vạn sáu ngàn ngày, được trăm cái Tết; Ước gì nhi! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân”.

Ba ngày tết là những ngày trang trọng nhất trong một năm của người Việt. Chính vì thế mà người Việt lại có cách giải nghĩa chữ Xuân (春) không giống như người Trung Hoa (Người Trung Hoa cho rằng chữ xuân (春) 春 là hình ảnh mặt trời mọc dưới những vòm cây xanh - tượng trưng cho một ngày mới đầu tiên - nguyên đán); Xuân của người Việt là tổ hợp của ba chữ “tam 三, nhân 人, nhật 日”(ba ngày đó là ba ngày của con người - Mừng Một tết cha, Mừng Hai tết mẹ, Mừng Ba tết thầy). Người Việt trân trọng ngày tết cổ truyền, trân quý truyền thống văn hóa của tổ tiên, ngày tết là ngày sum họp gia đình, phụng sự ông bà... Cho nên, câu đối tết lại là lời chúc thọ tổ tiên, là

lời nguyện cầu cho quốc thái dân an, mưa hòa vũ thuận, ước mong không khí ấm áp, trong lành, gia đình thuận hòa, hạnh phúc, mùa màng lợi lạc... Khi viết câu đối tết, người ta kỵ nhất là những chữ có thể hiểu theo nghĩa xấu, nghĩa trệ, báo hiệu điềm gở. Vì thế mà câu đối tết thường được xin, thỉnh từ các vị túc nho, đức cao, học rộng...

Người thường chơi câu đối tết không ai không nhớ ít nhiều vài giai thoại vui được lưu truyền về nghệ thuật chơi chữ này. Nhất là, những giai thoại kể về việc cho câu đối tết hóm hỉnh, thông minh của cụ Nguyễn Khuyến mà mãi đến nay nhiều câu đối tết ấy của cụ Tam Nguyên vẫn còn được dân gian yêu quý, trân dụng, lưu truyền.

Chuyện kể, vào ngày tết của năm đó có người thợ đóng hòm (quan tài) đến cụ xin đôi câu đối tết về thờ ông bà, tổ nghề, cụ liền cho:

天添 ▪ 月人添壽
春滿乾坤福滿堂

(Phiên âm: Thiên thêm tuế nguyệt nhân thêm thọ; Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường. Dịch nghĩa: Trời thêm năm tháng người thêm tuổi; Xuân ngập đất trời phúc ngập nhà – Huỳnh Đông dịch).

Người thợ đóng hòm vừa mang câu đối đi, một người thai phụ sắp sinh lại đến, cũng xin cụ đôi câu về treo, trước là để cầu phúc đầu năm, sau là cầu cho mẹ tròn con vuông. Cụ viết



ngay: "Thiên thêm tuế nguyệt nhân thêm...; Xuân mãn cần khôn phúc mãn..." (Trời thêm năm tháng người thêm.../ Xuân ngập đất trời phúc ngập...). Nếu tinh ý, ta có thể phát hiện ra cách chơi chữ rất thú vị và sâu sắc của ông đồ Yên Đỗ, vừa sáng tạo trong cách cấu trúc ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa; ghép hai chữ cuối của hai vế đối cụ cho người đóng hòm, ta có "thọ đường" tức là cỗ quan tài; hai chữ cuối của câu đối cho người thai phụ là "phúc mãn" và "nhân thêm" giải nghĩa theo từ đồng âm của tiếng Việt là "bung to"(thai phụ), "thêm người"(sắp sinh). Còn có một giai thoại kể về câu đối tết của Vương An Thạch, tể tướng đời Tống (Trung Hoa) cũng không kém phần lý thú. Vương An Thạch là người học cao, văn hay, chữ tốt. Năm nào họ Vương cũng sáng tác vài ba câu đối tết để dán trước cổng nhà. Trớ treo thay, vì nghĩa hay chữ đẹp nên câu đối của họ Vương nổi tiếng và được cả thiên hạ ưa chuộng. Nhưng ai có đủ quyền và vai vế để xin chữ ngài tể tướng. Mê lắm! Không xin được thì đánh cắp thôi! Năm nào cũng vậy câu đối tết của Vương An Thạch cứ bị kẻ trộm lén gỡ đem bán cho nhà khác. Họ Vương ức lắm chẳng biết làm sao. Năm đó, trước tết vài ngày, ông cho gia nhân dán trước cổng hai vế đối: "Phúc bất trùng lai;Họa vô đơn chí" (Điều phước ít khi lặp lại;Cái họa thường đến dồn dập). Người qua kẻ lại ai thấy câu đối đó đều xanh mặt, nghĩ ngài tể tướng năm nay phát rồ, làm câu đối tết quá trệ, quá xấu. Có ai muốn chuộc tai họa mà gỡ mấy câu này về treo tết. Khi đêm trừ

tịch gần đến giao thừa, Vương An Thạch cho gia nhân ra cổng dán thêm vào bên dưới hai vế đối cũ để hoàn thiện hai vế đối mới: "Phúc bất trùng lai... kim triều đáo; Họa vô đơn chí... tạc dạ hành" (Điều phước ít khi lặp lại nhưng sáng nay phước đã trở lại (nơi đây); Cái họa thường đến dồn dập nhưng đêm qua nó đã đi mất (tiêu rồi)). Thật là một chiêu ve sầu lột vỏ, điệu hồ ly sơn, chuyển họa thành phúc, biến lời gở thành điềm lành..., một lối chơi chữ tuyệt diệu!

Ngày xuân, bên chén trà thơm, giờ tạp chí xuân đọc vài câu đối tết của các bậc thức giả, nghĩ cũng là điều thú vị. Hình ảnh ông đồ "bày mực tàu giấy đỏ" và "ngoài trời mưa bụi bay" trong bài thơ của cụ Vũ Đình Liên dường như vẫn còn phảng phất đâu đây trong tâm hồn ta một nỗi niềm hoài cổ. Một chút ưu tư chợt về, lại nghĩ, thời đại bây giờ làm sao có thể giữ lại được cái linh hồn thơm thảo của nét văn hóa truyền thống đáng yêu này của dân tộc - văn hóa chơi chữ- chơi câu đối tết. Thành phố Hội An trong nhiều năm qua đã tổ chức thành công nhiều cuộc thi cho các phường xã, khối phố sáng tác và trưng bày câu đối tết. Đây cũng là một dạng hoạt động bảo tồn văn hóa phi vật thể của dân tộc. Thật đáng quý!